

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2026
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tây Nguyên và ông Vũ Cấp Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên
tòa:** Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh ngày 26/8/1992; CCCD: 036192011630, địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn M, sinh ngày 12/12/1981; CCCD: 036081021973, địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2026, bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Bà Trần Thị N và ông Phạm Văn M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2011 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống, ông bà có nhiều mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, không hòa hợp nên bà N và ông M đã không còn chung sống với nhau. Bà N nhận thấy hôn nhân của ông bà không thể hàn gắn được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Phạm Văn M.

Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Phạm Văn M có 02 con chung là Phạm Thành C, sinh ngày 20/5/2012 và Phạm Minh Đ, sinh ngày 01/01/2014, hiện nay con chung đang ở với bà N. Sau khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 10/7/2026, bà Trần Thị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Theo lời khai của bị đơn ông Phạm Văn M có trong hồ sơ vụ án:

Ông Phạm Văn M và bà Trần Thị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2011 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống, ông bà có nhiều mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không cùng chung tiếng nói, không hòa hợp nên bà N và ông M đã không còn chung sống với nhau. Theo đơn khởi kiện của bà N thì ông M đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Phạm Văn M có 02 con chung là Phạm Thành C, sinh ngày 20/5/2012 và Phạm Minh Đ, sinh ngày 01/01/2014, hiện nay con chung đang ở với bà N. Sau khi ly hôn, ông M đồng ý giao các con chung cho bà N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 11/6/2026, ông Phạm Văn M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Theo lời khai của các con chung Phạm Minh Đ và Phạm Thành C có trong hồ sơ vụ án: Các con chung có nguyện vọng được ở với bà Trần Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; sau khi đưa vụ án ra xét xử bà N và ông M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn M và bà Trần Thị N.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N ly hôn với ông Phạm Văn M.

Về con chung: Giao con chung Phạm Thành C, sinh ngày 20/5/2012 và Phạm Minh Đ, sinh ngày 01/01/2014 cho bà Trần Thị N có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà Trần Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Ông Phạm Văn M có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:*

Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn với ông Phạm Văn M; ông Phạm Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; quan hệ pháp luật yêu cầu giải quyết là *hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[2]. *Về việc chấp hành pháp luật của đương sự.* Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật. Trước khi mở phiên tòa, các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về nội dung vụ án.*

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Phạm Văn M đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2011 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng) theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện, đời sống hôn nhân giữa bà N và ông M thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn và bất hòa, nguyên nhân là do cả hai không cùng quan điểm sống, bà N có nguyện vọng được ly hôn với ông M. Ông M đồng ý ly hôn với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông M là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà Trần Thị N ly hôn với ông Phạm Văn M.

[3.2]. Về con chung: Bà Trần Thị N có nguyện vọng nuôi con chung là Phạm Thành C, sinh ngày 20/5/2012 và Phạm Minh Đ, sinh ngày 01/01/2014. Sau khi bà N và ông M không sống chung với nhau thì các con chung ở với bà N, ông M đồng ý giao con cho bà N được trực tiếp nuôi, các con chung có nguyện vọng được ở với bà N nên giao các con chung cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi là phù hợp. Bà Trần Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Ông Phạm Văn M có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật nhân và đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị N ly hôn ông Phạm Văn M.

2. *Về con chung:* Giao con chung Phạm Thành C, sinh ngày 20/5/2012 và Phạm Minh Đ, sinh ngày 01/01/2014 cho bà Trần Thị N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Phạm Văn M có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu.

5. *Về án phí:* Bà Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai số 0008102 ngày 06 tháng 5 năm 2026.

6. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 (02 bản);
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm

